

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HS-ST  
Ngày: 11-8-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Ngọc Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Sáu
2. Ông Nguyễn Chí Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thuý Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:**  
Ông Đỗ Hoàng Phận – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/HSST-QĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

**Nguyễn Hoàng Đ**, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1996 tại Long An; Nơi ĐKTT: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An; Chỗ ở: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An, nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị Bích T; bản thân chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 04-4-2017, tạm giam ngày 07-4-2017 đến nay, có mặt.

**- Người bị hại:**

1. Huỳnh Hữu N, sinh năm 1999  
ĐKTT: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.  
Tạm trú: Ấp V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).
2. Liêu Chí C, sinh năm 1969  
ĐKTT: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngụy Tú Phụng, sinh năm 1997  
ĐKTT: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.  
Tạm trú: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

2. Dương Thị Ngọc L, sinh năm 1959

ĐKTT: 1/62 đường N, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Tạm trú: Khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Phạm Thị Bích T, sinh năm 1976

ĐKTT: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

4. Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1970

ĐKTT: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

**- Người làm chứng:**

1. Nguyễn Long H, sinh năm 1968

ĐKTT: 91/6 đường Q, khu phố 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Lê Trung N, sinh năm 1963

ĐKTT: Số 14 đường P, khu phố 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 03/4/2017, Nguyễn Hoàng Đ sau khi chơi game tại tiệm Internet “Hồng Hân”, số 14 đường P, khu phố 7, thị trấn B, huyện Bến Lức, ra về. Đ nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 78H2-1519 của anh Huỳnh Hữu N dựng trước cửa tiệm, Đ quan sát thấy không có người trông xe, nên đi đến xe dẫn bộ xuống đường đi. Trong lúc Đ dẫn xe của anh Huỳnh Hữu N xuống đường, thì Lê Trung N đang ngồi trong tiệm nhìn thấy và báo cho anh Huỳnh Hữu N biết. Lê Trung N và anh Huỳnh Hữu N chạy bộ đuổi theo Đ khoảng 100m, Đ phát hiện có người đuổi theo, nên bỏ lại xe chạy bộ vào một con hẻm, Nghĩa và anh Huỳnh Hữu N truy hô “cướp, cướp” thì anh Nguyễn Long H đang chạy xe mô tô trên đường nghe tiếng truy hô, nên đuổi theo Đ, anh Nguyễn Long H và người dân bắt giữ Đ cùng với tang vật là xe mô tô biển số 78H2-1519 giao cho công an thị trấn B xử lý.

Tại biên bản định giá tài sản số 07/BB-TCKH ngày 04/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tiến hành định giá và kết luận: 01 xe mô tô biển số 78H2-1519, trị giá 2.800.000 đồng.

Ngoài ra, Đ còn khai nhận vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 26/01/2017, Đ thấy ông Liêu Chí C dựng xe trước sân nhà của ông Nguyễn Văn H, ấp 9, xã L, huyện B. Đ quan sát không ai trong coi xe, nên Đ đi đến xe của ông Liêu Chí C dùng một tay kéo yên xe lên, tay còn lại thò vào trong cốp xe lấy 01 cái ví, Đ kiểm tra bên trong ví không có tiền, chỉ có 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 62S3-7060 mang tên Nguyễn Thị Bích P, 01 giấy CMND, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và thẻ 01 thẻ ATM mang tên Liêu Chí C, thẻ ATM do Công ty tài chính TNHH MTV

Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng phát hành và 01 tờ giấy trắng ghi số 5193. Đ lấy thẻ ATM đi rút tiền nhưng không được vì nhập mật khẩu không đúng, sau đó Đ điều khiển mô tô biển số 62F8-9675 đi gặp bạn gái tên Ngụy Tú P để nhờ Ngụy Tú P đi rút tiền, Đ nói với Ngụy Tú P là nhặt được cái ví bên trong có thẻ ATM và một tờ giấy có ghi mật khẩu rút tiền là số 5193, Phượng đồng ý. Đ chở Ngụy Tú P đi rút tiền 05 lần được số tiền 15.500.000đ tại cây rút tiền ở xã L, huyện B và tại khu Công nghiệp T, huyện Đ, đến lần thứ 6 rút tiền không được, Đ nghĩ trong thẻ hết tiền nên vứt bỏ. Tất cả tiền Ngụy Tú P rút được đưa lại cho Đ cất giữ và Đ đã tiêu xài hết, không chia cho Ngụy Tú P. Còn giấy đăng xe mô tô biển số 62S3-7060, giấy CMND và 01 giấy phép lái xe của ông Liêu Chí C do không có tiền đồ xăng Đ thế chấp tại các điểm bán xăng trên đường N, xã T, huyện B. Sau khi Đ bị bắt giữ, Ngụy Tú P đã chuộc lại giấy tờ trên giao nộp cho cơ quan điều tra.

Tại cáo trạng số: 43/QĐ-KSĐT ngày 26-6-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần về hậu quả, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Đ từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù.

Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Huỳnh Hữu N, hiện đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến. Riêng bị hại Liêu Chí C yêu cầu Đ bồi thường tổng cộng là 16.500.000 đồng, hiện gia đình Đ đã bồi thường được 10.000.000 đồng còn 6.500.000 đồng chưa bồi thường. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải bồi thường cho anh Liêu Chí C số tiền 6.500.000 đồng.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 78H2-1519 của anh Huỳnh Hữu N mua lại của cửa hàng xe gắn máy Hai Thành, xe có giấy chứng nhận đăng ký xe tên Dương Thị

Ngọc L, anh Huỳnh Hữu N chưa làm thủ tục sang tên, hiện CQĐT đã trả lại cho anh Huỳnh Hữu N là phù hợp.

- 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 62S3-7060 mang tên Nguyễn Thị Bích P, 01 giấy CMND và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Liêu Chí C, hiện CQĐT đã trả lại cho ông Liêu Chí C là phù hợp;

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Hoàng Đ là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi nên bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài nên vào khoảng 21 giờ ngày 03/4/2017, Nguyễn Hoàng Đ sau khi chơi game tại tiệm Internet “Hồng Hân”, số 14 đường P, khu phố 7, thị trấn B, huyện B ra về. Đ lên lúc lấy trộm xe mô tô biển số 78H2-1519, trị giá 2.800.000 đồng của anh Huỳnh Hữu N dựng trước tiệm. Ngoài ra, trước đó khoảng 12 giờ 30 phút ngày 26/01/2017, Đ đến trước sân nhà của ông Nguyễn Văn H, ấp 9, xã L, huyện B lên lút lấy trộm 01 cái ví, trong bóp xe của Liêu Chí C, bên trong có một số giấy tờ và 01 thẻ ATM do Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng phát hành. Đ lấy thẻ ATM nhờ bạn gái tên Ngụy Tú P rút dùm, Đ nói với Ngụy Tú P là thẻ ATM nhặt được của người khác và nhờ Ngụy Tú P đi rút tiền 05 lần được 15.500.000 đồng, tất cả số tiền Đ một mình tiêu xài cả Huỳnh Hữu N hết. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không

tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

Hành vi của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của anh Huỳnh Hữu N và Liêu Chí C là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam nên bị cáo bất chấp chứng tỏ bị cáo đã xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho Huỳnh Hữu N dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Do đó cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần khắc phục hậu quả, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Ngụy Tú Phụng rút tiền dùm cho bị cáo Đ nhưng Ngụy Tú P không biết thẻ ATM do bị cáo Đ trộm cắp mà có, hơn nữa tiền rút được Đ đã tiêu xài hết không chia cho Ngụy Tú P nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngụy Tú P là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Huỳnh Hữu N, hiện đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập tới. Riêng ông Liêu Chí C yêu cầu Nguyễn Hoàng Đ bồi thường số tiền 16.500.000 đồng, chị Phạm Thị Bích T là mẹ của bị cáo đã bồi thường cho anh Cường số tiền là 10.000.000 đồng. Trước

phiên tòa, ông Liêu Chí C yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 6.500.000 đồng, bị cáo đồng ý. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật nên chấp nhận. Do đó, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải bồi thường tiếp cho ông Liêu Chí C số tiền là 6.500.000 đồng.

Trước phiên tòa, chị Phạm Thị Bích T không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền chị đã bồi thường nên không đề cập đến.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 78H2-1519 của anh Huỳnh Hữu N mua lại của cửa hàng xe gắn máy Hai Thành, xe có giấy chứng nhận đăng ký xe tên Dương Thị Ngọc L, anh Huỳnh Hữu N chưa làm thủ tục sang tên, hiện CQĐT đã trả lại cho anh Huỳnh Hữu N là phù hợp;

- 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 62S3-7060 mang tên Nguyễn Thị Bích P, 01 giấy CMND và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Liêu Chí C, hiện CQĐT đã trả lại cho ông Liêu Chí C là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45, Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Đ 01 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 04/4/2017.

2. Áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hoàng Đ trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 11-8-2017 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải bồi thường cho ông Liêu Chí C số tiền 6.500.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì người đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải chịu 325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Dương Ngọc Thành**